

# NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA KẾT THÚC HK1 NĂM HỌC 2021 – 2022 – KHỐI 10

## 1/ MÔN TOÁN

Các nội dung đã học từ tuần 1 đến tuần 15 trong học kỳ 1.

## 2/ MÔN VẬT LÝ

| TT | Nội dung kiến thức                                   | Đơn vị kiến thức, kĩ năng                                                                    | GIẢM TẢI                                                                                     |
|----|------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | CHUYỂN ĐỘNG TRÒN ĐỀU                                 | 1.1 Tốc độ góc, tốc độ dài, chu kì, tần số.<br>Định nghĩa CĐTD, vector vận tốc trong CĐTD    | Không cho tốc độ xe suy ra tính tốc độ góc, chu kì .. của bánh xe                            |
|    |                                                      | 1.2 Gia tốc hướng tâm.                                                                       |                                                                                              |
| 2  | TỔNG HỢP VÀ PHÂN TÍCH LỰC. ĐK CÂN BẰNG CỦA CHẤT ĐIỂM | 2.1 Tổng hợp lực. Định nghĩa lực tổng hợp, quy tắc hình bình hành.                           | Lực. Cân bằng lực.                                                                           |
|    |                                                      | 2.2 Điều kiện cân bằng của chất điểm                                                         | Phân tích lực                                                                                |
| 3  | BA ĐỊNH LUẬT NEWTON                                  | 3.1 Định luật II Newton. Định luật, công thức vận dụng. Trọng lực, trọng lượng.              | Định luật I Niu ton; Khối lượng và mức quán tính<br>Chỉ xét bài toán CĐ trên mặt phẳng ngang |
|    |                                                      | 3.2 Định luật III Newton                                                                     | Lực và phản lực                                                                              |
| 4  | LỰC HẤP DẪN. ĐỊNH LUẬT VẠN VẬT HẤP DẪN               | Định luật Vạn vật hấp dẫn. Định luật, CT vận dụng...                                         | Lực hấp dẫn. Trọng lực là trường hợp riêng của lực hấp dẫn                                   |
| 5  | CÁC LỰC CƠ HỌC                                       | 5.1 Lực đàn hồi của lò xo. Định luật Húc. CT vận dụng. Giới hạn đàn hồi..                    | Mục II.4: Chú ý                                                                              |
|    |                                                      | 5.2 Lực ma sát. Định nghĩa, hệ số ma sát, CT vận dụng. Đưa vào bài toán định luật II Newton. | Lực ma sát lăn; Lực ma sát nghỉ<br>Chỉ xét bài toán CĐ trên mặt phẳng ngang                  |
|    |                                                      | 5.3 Lực hướng tâm. Định nghĩa, CT, gia tốc hướng tâm.                                        | Không phân tích lực để tìm lực hướng tâm                                                     |

## 3/ MÔN HÓA HỌC

### Chương 2 – Bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học

- Sự biến đổi tuần hoàn cấu hình e nguyên tử: chu kỳ, nhóm A
- Sự biến đổi tuần hoàn tính chất của các nguyên tố hóa học:

- + tính kim loại, phi kim.
- + độ âm điện, hóa trị, bán kính.
- + oxit, hidroxit ( lưu ý tính axit nên tránh không hỏi)
- Toán tìm 2 nguyên tố kế tiếp cùng chu kỳ hoặc nhóm A
- Toán tìm nguyên tố khi cho oxit cao nhất => hợp chất khí với hidro hoặc ngược lại.

### **Chương 3 – Liên kết hóa học**

- Liên kết ion
- Liên kết cộng hóa trị
- Số oxi hóa

### **Chương 4 – Phản ứng oxi hóa khử**

- Xác định chất khử, chất oxi hóa, quá trình khử, quá trình oxi hóa.
- Hệ số cân bằng của ptpứ.
- Bài toán có phản ứng oxi hóa khử (pp bảo toàn e):
- + kim loại tác dụng phi kim
- + kim loại tác dụng axit có tính oxi hóa mạnh

**Toán 2 kim loại cùng nhóm A thuộc 2 chu kỳ kế tiếp tác dụng với nước;**

### **HCl**

- Tìm tên kim loại
- Tìm % về khối lượng mỗi kim loại
- Tính nồng độ mol; % chất tan trong dung dịch sau phản ứng (dạng này cho 2 kim loại bất kỳ)

### **4/ MÔN SINH HỌC**

- Các cấp tổ chức của thế giới sống
- Các giới sinh vật
- Các nguyên tố hoá học và nước
- Cácbohydrat và Lipit
- Prôtêin
- Axit nucleic
- Tế bào nhân sơ
- Tế bào nhân thực
- Vận chuyển các chất qua màng sinh chất

- Khái quát về năng lượng và chuyển hóa vật chất
- Enzim và vai trò của enzim trong chuyển hóa vật chất

## 5/ NGŨ VĂN

- Nội dung từ tuần 1 đến tuần 18 theo kế hoạch dạy học
- Dạng đề NLVH : Dạng bài phân tích tác phẩm thơ trung đại

## 6/ LỊCH SỬ

Bao gồm nội dung cơ bản các bài: 1,2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9

## 7/ ĐỊA LÝ

### 1. Lý thuyết

- Một số phương pháp biểu hiện đối tượng địa lý trên bản đồ. (bài 2)
- Chủ đề: Tìm hiểu về Vũ Trụ và các hệ quả của các chuyển động chính của Trái Đất.

- Cấu trúc của Trái Đất: thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng (bài 7).
- Tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất (bài 8).
- Tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.
- Chủ đề: Khí quyển.
- Chủ đề: Thủy quyển.
- Chủ đề : Thổ nhưỡng và sinh quyển.
- Chủ đề: Một số quy luật địa lí.
- Chủ đề: Địa lí dân cư .
- Cơ cấu nền kinh tế (bài 26)
- Chủ đề: Nông Nghiệp.

### 2. Kỹ năng:

Từ bài 2 đến bài 30:

- Kỹ năng tính: (giờ, tỉ suất sinh thô, tỉ suất tử thô, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên, MĐDS, thu nhập bình quân, bình quân lương thực).
- Kỹ năng nhận xét bảng số liệu, biểu đồ.

## 8/TIN HỌC

Từ bài 1 đến bài 13 (bài học theo SGK chương trình HK1)

## 9/TIẾNG ANH

Câu 1-2 (2c): Pronunciation (**Đề cương U 5 + 6 + 8**)

Câu 3-4 (2c): stress (**Đề cương U 5 + 6 + 8**)

Câu 5-6 (2c): closest (**Đề cương U 4 + 5 + 6 + 8 và Reading textbook**) (**BỔ U .7)**

Câu 7-8 (2c): opposite (**Đề cương U 4 + 5 + 6 + 8 và Reading textbook**) (**BỔ U .7)**

Câu 9-10-11 (3c): error

Câu 12-13 (2c): communicative exchanges (1 câu trong **Đề cương U 4 + 5 + 6 + 7 +**

**8)**

Câu 14 (1c): preposition

1. be proud of

2. take pride in

3. protect from

4. different from

5. prevent ...from

6. Good/bad for one's health

7. Give up

8. Go for (on) a picnic

9. Go on = continue

10. To result in

11. thanks to = due to = because of

12. To be in need of sth

13. Be short of

14. On TV/ the radio

15. Be capable of

16. Turn on/ off

17. be anxious about

18. be suitable for

19. share with

20. write the letter to S.O to tell him/ her about the plan for...

Câu 15-16(2 câu) Vocabulary

(**Đề cương U 4 + 5 + 6 + 8 + những từ có trong TASK 1 U 4 + 5 + 6 + 8**) (**BỔ U**

**.7)**

Câu 17-19 (3 câu): WORD FORM

## UNIT 4

| Noun                                         | Verb       | Adjective                  | Adverb       |
|----------------------------------------------|------------|----------------------------|--------------|
| 1. Education                                 | educate    | educational                |              |
| 2. photograph<br>photographer<br>photography | photograph | photographic<br>photogenic |              |
| 3. deafness<br>the deaf                      | deafen     | deaf                       |              |
| 4. Addition                                  | add        | additional                 | additionally |

## UNIT 5

| Noun                                       | Verb        | Adjective                              | Adverb       |
|--------------------------------------------|-------------|----------------------------------------|--------------|
| 1. production/<br>product/<br>productivity | produce     | productive                             | productively |
| 2. miracle                                 |             | miraculous                             |              |
| 3. magician/<br>magic                      |             | magical                                | magically    |
| 4. accuracy                                |             | accurate                               | accurately   |
| 5. participant/<br>participation           | participate |                                        |              |
| 6.                                         |             |                                        |              |
| 7. electricity/<br>electrician             |             | Electric/<br>electrical/<br>electronic | electrically |

## UNIT 6

| VERB        | NOUN        | ADJECTIVE      | ADVERB       |
|-------------|-------------|----------------|--------------|
| 1. persuade | persuasion  | persuasive     | persuasively |
| 2.          | peace       | peaceful       | peacefully   |
| 3.          | convenience | (in)convenient | conveniently |

## UNIT 8

| Verb       | Noun                 | Adjective                   | Adverb                 |
|------------|----------------------|-----------------------------|------------------------|
| 1. shorten | shortage             | short                       | shortly                |
| 2. widen   | wideness/width       | wide                        | Widely                 |
| 3. use     | use                  | usable<br>useful<br>useless | usefully<br>/uselessly |
| 4.         | science<br>scientist | scientific                  | scientifically         |

Câu 20-21: TENSES (1 câu thì PRESENT PERFECT- Passive/Active + 1 câu cách thì còn lại)

Câu 22: THE PRESENT CONTINUOUS/BE GOING TO

Câu 23: **THE + ADJECTIVE → NOUN (PLURAL)**

Câu 24: **USED TO + INFINITIVE VÀ BE/GET + USED TO + V-ING/NOUN**

Câu 25: **WHICH AS A CONNECTOR**

Câu 26: **Relative clause:** **who, whom, which, that.**

Câu 27: **Relative clause:** **who, whom, which, that.**

Câu 28: **BECAUSE/BECAUSE OF**

Câu 29: **ALTHOUGH/THOUGH/IN SPITE OF/ DESPITE**

Câu 30: **SENTENCE TRANSFORMATION: REPORTED SPEECH (STATEMENTS)**

Câu 31-35 (5c): Cloze test (topic **U 4 + 5 + 6 + 8**)

Câu 36-40 (5c): Reading comprehension (topic **U 4 + 5 + 6 + 8**)

## **10/CÔNG NGHỆ**

- Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào trong nhân giống cây trồng nông, lâm nghiệp

- Một số tính chất của đất trồng
- Biện pháp cải tạo và sử dụng đất mặn, đất phèn
- Chuyên đề Phân bón cây trồng
- Điều kiện phát sinh phát triển của sâu bệnh hại cây trồng
- Phòng trừ tổng hợp dịch hại cây trồng

- Ảnh hưởng của thuốc hóa học bảo vệ thực vật đến quần thể sinh vật và môi trường

- Ứng dụng công nghệ vi sinh sản xuất chế phẩm bảo vệ thực vật
- Thực hành: Xác định độ chua của đất
- Thực hành: Trồng cây trong dung dịch
- Thực hành: Nhận biết một số loại sâu bệnh hại lúa phổ biến

## **11/GDCD**

- Bài 1: Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng

- Bài 3: Sự vận động và phát triển của thế giới vật chất
- Bài 4: Nguồn gốc vận động, phát triển của sự vật

và hiện tượng.

- Bài 5: Cách thức vận động, phát triển của sự vật và hiện tượng
- Bài 6: Khuynh hướng phát triển của sự vật và hiện tượng
- Bài 7: Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức.
- Bài 9: Con người là chủ thể của lịch sử, là mục tiêu phát triển của xã hội.